

Bản án số: 306/2022/DS-ST
Ngày: 12/9/2022.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ
2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa : Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2022/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 272/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; trụ sở: (Lầu 8), số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T (Giấy ủy quyền số 30/2022/UQ-TTT ngày 24/5/2022). (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Hoàng Minh T ; địa chỉ: Số T đường số H, Phường S, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S và lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Đức T trình bày:

Ngày 27/11/2008 ông Hoàng Minh T có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Sau đây được viết tắt là Hợp đồng) với Ngân hàng TMCP S (sau đây được viết tắt là Ngân hàng). Hợp đồng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng do ông T ký ngày 27/11/2008; bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 25/8/2008. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông T với hạn mức sử dụng 50.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Ông T phải chịu các khoản phí theo quy định trong hợp đồng. Mức lãi suất Ngân hàng áp dụng là 1,6%/ tháng. Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất được công bố áp dụng vào thời điểm hiện tại. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 58.139.905 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền là 56.762.000 đồng. Tổng số tiền đã thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản điều kiện và điều khoản phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể khoản thanh toán được áp dụng theo thứ tự: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua bán hàng hóa trong kỳ. Ngân hàng đã có nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 11/10/2009 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, với số nợ gốc là 25.168.224 đồng (áp dụng lãi quá hạn là 150% lãi suất được công bố áp dụng vào thời điểm hiện tại). Ngân hàng yêu cầu ông T trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2022 với tổng số nợ là 129.317.424 đồng, trong đó nợ gốc là 25.168.224 đồng, lãi quá hạn là 104.149.200 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số nợ gốc với mức lãi suất quá hạn 2,4%/tháng ($1,6\% \times 150\%$). Kể từ ngày 13/9/2022 yêu cầu ông T phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh theo quy định trong Hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn là ông Hoàng Minh T tại địa chỉ số T đường số H, Phường S, quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh, nhưng bị đơn không đến Tòa trong các buổi mời làm việc và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn, cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 28/6/2022 và gửi cho bị đơn thông báo kết quả các phiên họp (Đính kèm theo thông báo là các tài liệu, chứng cứ được công bố tại phiên họp, trừ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng). Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và nguyên đơn có yêu cầu Tòa án không tiếp tục tổ chức phiên hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn ông Trần Đức T vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông Hoàng Minh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan về xét xử vụ việc.

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 27/11/2008, bản điều kiện và điều khoản phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, bản sao kê và lời khai, có cơ sở xác định Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông T với hạn mức sử dụng 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T đã thực hiện giao dịch với số tiền là 58.139.905 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền là 56.762.000 đồng. Mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T vẫn chưa thanh toán các khoản nợ còn lại. Tính đến ngày 12/9/2022 ông T còn nợ Ngân hàng số tiền là 129.317.424 đồng, trong đó nợ gốc là 25.168.224 đồng, lãi quá hạn là 104.149.200 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán ngay toàn bộ khoản nợ trên và lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn
Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Minh T trả toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ giao dịch sử dụng thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 12/9/2022, với tổng số nợ là 129.317.424 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 16, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

thể hiện ông Hoàng Minh T có đăng ký thường trú tại địa chỉ 89/17/15 đường số 2, Phường 16, quận Gò Vấp, hiện ông T không cư trú tại địa phương và đi đâu không rõ. Như vậy, ông T thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định luật cư trú đã thể hiện nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Việc ông T thay đổi nơi cư trú mà không báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi cư trú mới, cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm (có đơn xin vắng mặt). Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán đối với khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ giao dịch sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, theo Hợp đồng tín dụng ký ngày 27/11/2008. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng do ông T ký ngày 27/11/2008; bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 25/8/2008; thông báo thay đổi lãi suất; bản sao kê chứng minh khoản tiền giao dịch và thanh toán nợ của khách hàng, đối chiếu các văn bản, tài liệu khác của Ngân hàng đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng với ông Hoàng Minh T có ký kết với nhau Hợp đồng tín dụng ngày 27/11/2008 và ông T đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 50.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Mức lãi suất Ngân hàng áp dụng đối với khoản nợ vay của ông T là 1,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố, được áp dụng tại thời điểm hiện tại. Xét nội dung thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước và thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và phù hợp với quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tại bản sao kê tài khoản chứng minh giao dịch và thanh toán của khách hàng theo hợp đồng tín dụng ký ngày

27/11/2008, thẻ hiện sau khi được cấp thẻ tín dụng số tiền ông T thực hiện các giao dịch và được Ngân hàng chấp nhận với tổng số tiền là 58.139.905 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 56.762.000 đồng. Do ông T không thanh toán nợ còn lại nên ngày 11/10/2009 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn việc chuyển nợ quá hạn phù hợp với quy định tại Điều 23 của điều kiện và điều khoản phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu ông T thực hiện việc nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Ông T không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông T đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng ký ngày 27/11/2008, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; bản điều kiện và điều khoản; các chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp để xác định ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán khoản nợ thẻ và tiền lãi tính đến ngày 12/9/2022 với tổng số nợ là 129.317.424 đồng, trong đó nợ gốc là 25.168.224 đồng, lãi quá hạn là 104.149.200 đồng. Kể từ ngày 13/9/2022 yêu cầu ông T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết ngày 27/11/2008 là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời hạn và phương thức thanh toán.

Xét thấy, ông Hoàng Minh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà các bên ký kết đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Hoàng Minh T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/9/2022 là 129.317.424 đồng, trong đó nợ gốc là 25.168.224 đồng, lãi quá hạn là 104.149.200 đồng, phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ông T ký ngày 27/11/2008. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 13/9/2022 ông Hoàng Minh T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn

thanh toán khoản nợ là 129.317.424 đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) 6.465.871 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.905.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0019869 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc ông Hoàng Minh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/9/2022 là 129.317.424 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu ba trăm mười bảy nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 25.168.224 đồng, lãi quá hạn là 104.149.200 đồng, phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ký ngày 27/11/2008 (Gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng do ông T ký ngày 27/11/2008; bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 25/8/2008). Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 13/9/2022 ông Hoàng Minh T phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Minh T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 6.465.871 đồng. (Sáu triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi một đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.905.000 đồng (Hai triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0019869 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Hoàng Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thành Huế

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thành Huế